

Số: 245/QĐ-THCX

Bình Chánh, ngày 07 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách và đối chiếu số liệu thu, chi dịch vụ, thu khác năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho Trường Tiểu học Cầu Xáng;

Căn cứ Thông báo số 939/TB-TCKH ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Phòng Tài chính Kế Hoạch về xét duyệt quyết toán ngân sách và đối chiếu số liệu thu, chi dịch vụ, thu khác năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán năm 2024 của Trường Tiểu học Cầu Xáng (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
CẦU XÁNG
Nguyễn Ngọc Sơn

Số: 246 /TB-THCX

Bình Chánh, ngày 07 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện quyết toán chi ngân sách, thu chi dịch vụ, thu khác năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Trường Tiểu học Cầu Xáng thông báo tổ chức niêm yết công khai thực hiện quyết toán ngân sách, thu chi dịch vụ, thu khác năm 2024.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai liên tục từ 07/5/2025 đến 07/6/2025.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số: 245 /QĐ-THCX ngày 07 tháng 4 năm 2025 của trường Cầu Xáng về công khai số liệu thực hiện công khai thực hiện quyết toán ngân sách, thu chi dịch vụ, thu khác năm 2024.

- Đính kèm các biểu mẫu có liên quan

- Địa điểm niêm yết: tại bảng công khai tài chính trường Tiểu học Cầu Xáng

Trên đây là Thông báo của trường Tiểu học Cầu Xáng./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Sơn

Đơn vị: Trường Tiểu học Cầu Xáng

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-THCX ngày 07 tháng 05 năm 2025 của Trường Tiểu học Cầu Xáng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí tuyển dụng viên chức				
3	Thu sự nghiệp khác	5.404	5.404		
3.1	Thu học phí	0	0		
3.2	Thu thỏa thuận	2.671	2.671		
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	527	527		
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh	77	77		
3	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	84	84		
4	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	151	151		
5	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	10	10		
6	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi: Học bơi	1	1		
7	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	535	535		
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	839	839		
9	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án: Tin học IC3	447	447		
3.3	Thu hộ	2.636	2.636		
1	Các khoản cá nhân học sinh	-	-		
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh	-	-		
3	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	-	-		
4	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu				
5	Học phẩm(ĐKT-GT, Hình thẻ, SLL-Học bạ,	16	16		
6	Học cụ - Học liệu	-	-		
7	Tiền suất ăn trưa bán trú	1.623	1.623		
8	Tiền nước uống	127	127		
9	Bảo hiểm y tế	821	821		
10	Bảo hiểm tai nạn	3	3		
11	CSSKBĐ	46	46		
3.4	Thu khác	97	97		
1	Lãi tiền gửi	2	2		
2	Căn tin	95	95		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0,000			
1	Lệ phí				
2	Phí tuyển dụng viên chức				
3	Chi sự nghiệp khác	5.153	5.153		
3.1	Chi học phí	0,000	0,000		
3.2	Chi thỏa thuận	2.491	2.491		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	467	467		
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh	69	69		
3	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	58	58		
4	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	143	143		
5	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	7	7		
6	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu	-	-		
7	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	499	499		
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	814	814		
9	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án: Tin học IC3	434	434		
3.3	Chi hộ	2.584	2.584		
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh	0	0		
2	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	0	0		
3	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu	0	0		
4	Học phẩm(ĐKT-GT, Hình thẻ, SLL-Học bạ,	27	27		
5	Học cụ - Học liệu	0	0		
6	Tiền suất ăn trưa bán trú	1618	1618		
7	Tiền nước uống	125	125		
8	Bảo hiểm y tế	787	787		
9	Bảo hiểm tai nạn	5	5		
10	CSSKBD	22	22		
11	Sửa học đường	0	0		
3.4	Chi khác	78	78		
1	Lãi tiền gửi	1	1		
2	Căn tin	77	77		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.892	11.892		
6000	Tiền lương	3.480	3.480		
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.480	3.480		
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo	-	-		
6100	Phụ cấp lương	1.795	1.795		
6101	Phụ cấp chức vụ	69	69		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	-	-		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.199	1.199		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	42	42		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên	484	484		
6116	Hỗ trợ giáo dục mầm non	-	-		
6200	Tiền thưởng	-	-		
6300	Các khoản đóng góp	992	992		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân(NQ 08)	3.967	3.967		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	254	254		
6550	Vật tư văn phòng	68	68		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	24	24		
6700	Công tác phí	25	25		
6750	Chi phí thuê mướn	794	794		
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	51	51		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	258	258		
7750	Chi khác	185	185		
8000	Chi tính giảm biên chế	-	-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.247	1.247		
6105	Phụ cấp làm đêm	376	376		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	181	181		
6157	Hỗ trợ chính sách chi phí học tập	13	13		
6449	Trợ cấp, Phụ cấp khác	480	480		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo	-	-		
6201	Thưởng thường xuyên	197	197		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
8.1	Dự án A				

Kế toán

Như

Phan Thị Như Thủy



Ngày 07 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Sơn

